

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 -9 - 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tăng Tài Thủ**

2. Bà **Trần Thúy Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: - Ông **Đặng Minh Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 151/2022/TB-TA ngày 17/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T** - sinh năm 1989. Có mặt

Cư trú: Ấp A, xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Lê Thành D** - sinh năm 1990. Vắng mặt

Cư trú: Khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Do mai mối, chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thành D tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 03/9/2014. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh D không lo làm ăn mà thường hay cờ bạc, chị T nhiều lần khuyên can nhưng không được. Mâu thuẫn ngày trầm trọng nên đã sống ly thân

từ tháng 8/2019 đến nay. Nhận thấy không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh L (nam), sinh ngày 26/9/2015. Hiện con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Thành D dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì về vấn đề có liên quan đến yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trân và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị Trân và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi vã, không thể hòa giải. Nhận thấy, chuyện mâu thuẫn bởi vợ chồng không thấu hiểu,

không có sự chia sẻ thông cảm với nhau, và cũng không có giải pháp gì để khắc phục, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đã đến lúc vợ chồng không còn tha thiết trở về chung sống. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

Về con chung: chị T và anh D có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh L (nam), sinh ngày 26/9/2015. Hiện con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu của chị T phù hợp với hoàn cảnh thực tế, và cũng nhằm cho cháu L được ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập, nghĩ nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thành D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Khánh L (nam), sinh ngày 26/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Thành D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh D, không ai được cản trở. Sau này, anh D, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004440 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ. Công nhận chị T đã nộp xong án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt